TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2018
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: *không tham gia*

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 517/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L** – sinh năm 1980 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 10 tháng 01 năm 2018)

Nơi cư trú: ấp 6, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ký túc xá Đại học Q khu A, phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh N** – sinh năm 1978 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 05 tháng 01 năm 2018)

Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Lê Minh N do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13 tháng 7 năm 2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp T, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long được vài tháng thì vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm anh N không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời cùng bạn bè, chị khuyên anh nhiều lần nhưng anh không sửa đổi. Chị và anh N không còn sống chung từ tháng 12 năm 2016 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh N.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Lê Minh H – sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu H cho anh N nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 01 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lê Minh N trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Phạm Thị L do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ anh khoảng 05 năm rồi về nhà cha mẹ ruột của chị L sống được 02 năm sau đó vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh làm ăn gây nợ nần từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị L không còn sống chung từ cuối năm 2016 đến nay.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Lê Minh H – sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn tuỳ theo nguyện vọng của cháu H muốn sống với ai thì người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 01 năm 2018 cháu Lê Minh H – sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2017; giấy chứng minh nhân dân bản sao; sổ hộ khẩu bản sao; trích lục kết hôn bản sao; đơn xin xác nhận đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn Lê Minh N, giấy khai sinh bản sao; đơn xin vắng mặt ngày 10 tháng 01 năm 2018.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 01 năm 2018, bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 01 năm 2018 của cháu Lê Minh H, đơn xin vắng mặt ngày 05 tháng 01 năm 2018.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05 tháng 01 năm 2018 anh Lê Minh N có đơn xin vắng mặt, ngày 10 tháng 01 năm 2018 chị Phạm Thị L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13 tháng 7 năm 2005. Theo lời trình bày của chị L thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm anh N không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời cùng bạn bè. Theo anh N trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh làm ăn gây nợ nần từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L anh N tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N thống nhất xác định anh chị có 01 người con chung tên Lê Minh H – sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn chị L và anh N thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Minh H – sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 cho anh N nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N.

[2] Con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N. Giao cháu Lê Minh H – sinh ngày 16 tháng 9 năm 2006 cho anh Lê Minh N nuôi dưỡng. Anh Lê Minh N không yêu cầu chị Phạm Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị L và anh Lê Minh N thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0008169 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Vui